

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 2517/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 17 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Rh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC. *zn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính
Nguyễn Đức Chính

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này quy định những tiêu chí, phương pháp chấm điểm, quy trình đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn cấp tỉnh), UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Quy định này không áp dụng đối với UBND huyện Đào Cồn Cỏ.

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc và căn cứ đánh giá, chấm điểm và xếp loại

1. Việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện nhằm xác định đúng mức hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Thông qua kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại để phát huy mặt tích cực, khắc phục các mặt hạn chế, yếu kém; đồng thời kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các cơ quan, đơn vị là một trong những tiêu chí để bình xét khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức lãnh đạo hàng năm.

2. Việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện được tổ chức định kỳ hàng năm trên cơ sở các tiêu chí được quy định tại Quyết định này; bảo đảm thực chất, khách quan, công bằng, phản ánh đúng kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được giao trong thực tiễn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

Điều 3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	150
1	Tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách.....thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thông qua theo kế hoạch. Mỗi chương trình, kế hoạch, đề án... được 9 điểm, tối đa không quá 45 điểm.	45
2	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; chương trình, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách..... thuộc ngành, lĩnh vực quản lý sau khi được phê duyệt.	30
3	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	15
4	Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.	15
5	Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã.	15
6	Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.	30
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	80
1	Thực hiện phân cấp quản lý	9
a	Tham mưu UBND tỉnh nội dung phân cấp quản lý thuộc ngành, lĩnh vực của mình	4
b	Thực hiện các nội dung phân cấp, ủy quyền của cấp trên giao	3
c	Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phân cấp, ủy quyền	2
2	Tổ chức bộ máy, biên chế theo đúng quy định	4
3	Thường xuyên rà soát vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức; khi có biến động có trách nhiệm điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trình cơ quan có thẩm	4

	quyền theo quy định	
4	Tuyển dụng, bố trí, sử dụng theo đúng vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách theo đúng quy định	9
a	Tuyển dụng, bố trí, sử dụng theo đúng vị trí việc làm theo đúng quy định	5
b	Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm theo đúng quy định	2
c	Thực hiện khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách theo đúng quy định	2
5	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (Đơn vị có xây dựng, thực hiện Kế hoạch đào tạo và báo cáo theo quy định)	4
6	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo đúng quy định	24
a.	Diện tích và trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo quy định	5
b	Có bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo quy định.	4
c	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp và trả kết quả thuộc trách nhiệm quản lý	5
d	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (dưới 30%: 0 điểm; từ 30-59%: 2 điểm; từ 60-79%: 5 điểm; từ 80% trở lên: 10 điểm)	10
7	Thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (rà soát TTHC, niêm yết TTHC)	9
8	Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ	10
a	Đơn vị có trang hoặc cổng thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật thông tin theo quy định	2
b	Đơn vị có kênh điều hành tác nghiệp nội bộ (Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp qua mạng)	3
c	Cung cấp đầy đủ dịch vụ hành chính công trực tuyến từ mức độ 02 trở lên trên trang/cổng thông tin điện tử	3
d	Có cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến từ mức độ	2

	03 trở lên trên trang/công thông tin điện tử	
9	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008	7
a	Đã được cấp giấy chứng nhận Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 và duy trì việc thực hiện đúng quy định	4
b	Mở rộng, cải tiến, nâng cấp HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008	3
III	Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	20
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	8
2	Đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng quy định pháp luật	12
IV	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính	35
1	Chấp hành tốt các quy định, ý kiến chỉ đạo của cấp trên	4
2	Ban hành và thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4
3	Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ, chi tiêu nội bộ, văn hoá công sở, công tác dân vận chính quyền.	6
a	Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền	3
b	Ban hành và thực hiện các quy định về chi tiêu nội bộ, văn hoá công sở.	3
4	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị. Đối với công chức có trách nhiệm tiếp, làm việc trực tiếp với người dân và doanh nghiệp tại trụ sở phải đeo thẻ công chức.	9
a	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị	5
b	Đeo thẻ công chức khi làm việc	4
5	Thành lập Ban thanh tra nhân dân và có báo cáo kết quả hoạt động hàng năm	3
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	9
V	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại	30

	địa phương, đơn vị (PCI)	
1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh)	4
2	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số PCI	13
a	Công tác tuyên truyền, phổ biến về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	3
b	Kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương mình	7
c	Công bố các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, các quy trình, thủ tục...nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin	3
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến chỉ số PCI theo quy định	3
4	Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	10
VI	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	20
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 04/7/2014)	4
2	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số PAPI	12
a	Tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến chỉ số PAPI để cán bộ, công chức và người dân nhận thức đầy đủ, giám sát thực hiện	4
b	Kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các ngành, địa phương theo chỉ số thành phần PAPI	8
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về chỉ số PAPI theo quy định	4
VII	Sáng kiến trong triển khai thực hiện nhiệm vụ (Trừ Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh). Mỗi sáng tạo (sáng kiến) được 05 điểm, tối đa không quá 15 điểm	15

Điều 4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	70
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	12
2	Tổng thu Ngân sách trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	12
3	Huy động vốn đầu tư	9
4	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GDP:	10
	- Nông, lâm, thủy sản	4
	- Công nghiệp-Xây dựng	4
	- Thương mại -Dịch vụ - Du lịch	2
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới.	6
6	Số lao động được giải quyết việc làm / số lao động trong độ tuổi.	5
7	Giảm tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên	3
8	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng.	3
9	Số xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Áp dụng đối với 08 huyện, thị xã). Đối với thành phố Đông Hà: Tổ chức có hiệu quả các hoạt động xây dựng văn minh đô thị	8
10	Số xã, phường phù hợp với trẻ em	2
II	Các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội	65
1	Văn hoá, Thể dục -Thể thao	15
a	Công tác quản lý văn hóa, quản lý các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.	3
b	Xây dựng thiết chế văn hoá	3
c	Tỷ lệ làng, bản, thôn, xóm, cơ quan được công nhận danh hiệu đơn vị văn hóa (so với kế hoạch năm thực hiện).	3
d	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình thể thao (so với kế hoạch năm thực hiện).	3
đ	Thể thao thành tích cao (bao gồm các giải quốc gia, ...).	3
2	Giáo dục và Đào tạo	15
a	Giáo dục các bậc học được đánh giá theo tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3

b	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng so với kế hoạch thực hiện.	3
c	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm học 201...-201...	3
d	Tỷ lệ Học sinh đậu Đại học năm học 201...-201...	3
đ	Có học sinh đạt giải	3
3	Y tế	15
a	Tỷ lệ Trạm xá xã có bác sỹ tăng (so với kế hoạch năm thực hiện).	3
b	Xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế tăng so với kế hoạch năm thực hiện.	3
c	Thực hiện các chương trình quốc gia về y tế; tiêm chủng các loại vắc xin	3
d	Kiểm soát, phòng chống dịch bệnh .	3
e	Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.	3
4	Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội	10
a	Công tác tuyên truyền.	6
b	Hiệu quả kiểm chế các tệ nạn xã hội	4
5	Bảo vệ môi trường	7
a	Công tác bảo vệ môi trường, thực hiện phong trào "xanh-sạch-đẹp" trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, làng, xã...	3
b	Tăng tỷ lệ che phủ rừng	2
c	Xử lý chất thải công nghiệp và nguồn nước sạch.	2
6	Công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo.	3
a	Công tác thực hiện chính sách về TBLS.	1.5
b	Xây dựng nhà tình nghĩa, đại đoàn kết, nhà người nghèo.	1.5
III	Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.	15
1	Công tác tuyên, giao quân.	2.5
2	Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ	2
3	Công tác phòng chống bão, lũ lụt, giảm nhẹ thiên tai.	1.5
4	Phòng chống cháy rừng	1.5
5	Công tác tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, các đối tượng khác.	1.5

6	Đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương	1.5
7	Phòng, chống bạo loạn, khủng bố; phòng chống tội phạm, giảm tệ nạn xã hội	1.5
8	Công tác đảm bảo an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông.	1.5
9	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTK, xây dựng cơ sở an toàn làm chủ.	1.5
IV	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	80
1	Thực hiện phân cấp quản lý	9
a	Phân cấp quản lý cho các phòng và UBND cấp xã	4
b	Thực hiện các nội dung phân cấp, ủy quyền của cấp trên giao	3
c	Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phân cấp, ủy quyền	2
2	Tổ chức bộ máy, biên chế theo đúng quy định	4
3	Thường xuyên rà soát vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức; khi có biến động có trách nhiệm điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.	4
4	Tuyển dụng, bố trí, sử dụng theo đúng vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách theo đúng quy định	9
a	Tuyển dụng, bố trí, sử dụng theo đúng vị trí việc làm theo đúng quy định	5
b	Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm theo đúng quy định	2
c	Thực hiện khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách theo đúng quy định	2
5	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (Đơn vị có xây dựng, thực hiện Kế hoạch đào tạo và báo cáo theo quy định)	4
6	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo đúng quy định	24
a.	Diện tích và trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo quy định	5

b	Có bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo quy định	4
c	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp và trả kết quả thuộc trách nhiệm quản lý	5
d	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (dưới 30%: 0 điểm; từ 30-59%: 2 điểm; từ 60-79%: 5 điểm; từ 80% trở lên: 10 điểm)	10
7	Thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (rà soát TTHC, niêm yết TTHC)	9
8	Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ	10
a	Đơn vị có trang hoặc cổng thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật thông tin theo quy định	2
b	Đơn vị có kênh điều hành tác nghiệp nội bộ (Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp qua mạng)	3
c	Cung cấp đầy đủ dịch vụ hành chính công trực tuyến từ mức độ 02 trở lên trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị	3
d	Có cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến từ mức độ 03 trở lên trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị	2
9	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008	7
a	Đã được cấp giấy chứng nhận Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 và duy trì việc thực hiện đúng quy định	4
b	Mở rộng, cải tiến, nâng cấp HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008	3
V	Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	20
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	8
2	Đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng quy định pháp luật	12
VI	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính	35
1	Chấp hành tốt các quy định, ý kiến chỉ đạo của cấp trên	4

2	Ban hành và thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4
3	Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ, chi tiêu nội bộ, văn hoá công sở, công tác dân vận chính quyền.	6
a	Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền	3
b	Ban hành và thực hiện các quy định về chi tiêu nội bộ, văn hoá công sở.	3
4	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị. Đối với công chức có trách nhiệm tiếp, làm việc trực tiếp với người dân và doanh nghiệp tại trụ sở phải đeo thẻ công chức.	9
a	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị	5
b	Đeo thẻ công chức khi làm việc	4
5	Thành lập Ban thanh tra nhân dân và có báo cáo kết quả hoạt động hàng năm	3
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	9
VII	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại địa phương, đơn vị (PCI)	30
1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh)	4
2	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số PCI	13
a	Công tác tuyên truyền, phổ biến về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	3
b	Kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương mình	7
c	Công bố các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, các quy trình, thủ tục...nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin	3
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến chỉ số	3

	PCI theo quy định	
4	Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	10
VIII	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	20
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 04/7/2014)	4
2	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số PAPI	12
a	Tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến chỉ số PAPI để cán bộ, công chức và người dân nhận thức đầy đủ, giám sát thực hiện	4
b	Kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các ngành, địa phương theo chỉ số thành phần PAPI	8
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về chỉ số PAPI theo quy định	4
IX	Sáng kiến trong triển khai thực hiện nhiệm vụ (trừ Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh). Mỗi sáng tạo (sáng kiến) được 05 điểm, tối đa không quá 15 điểm	15

Điều 5. Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm chấm là 350

Căn cứ thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện đối chiếu kết quả công việc cơ quan, đơn vị mình đã làm được hoặc chưa làm được để tự chấm điểm cho từng công việc:

a) Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh (có định lượng), nếu hoàn thành 100% so với kế hoạch là đạt điểm chuẩn; cứ vượt 1% được cộng 02 điểm nhưng tổng số điểm thưởng của từng nhóm tiêu chí không quá 10% so với điểm chuẩn của nhóm tiêu chí đó; không hoàn thành kế hoạch, cứ giảm 1% so với chỉ tiêu kế hoạch bị trừ 02 điểm nhưng không trừ quá điểm chuẩn của tiêu chí đó. Các chỉ tiêu kinh tế- xã hội nếu không có định lượng thì cách tính điểm thực hiện như điểm b Điều này.

b) Các chỉ tiêu không định lượng:

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định là đạt điểm chuẩn của tiêu chí đó; không đảm bảo chất lượng, thời gian quy định bị trừ điểm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Không triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao do khách quan thì 0 điểm, nếu do chủ quan thì bị trừ điểm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Điểm cộng (điểm thưởng):

Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện có sáng tạo, đề xuất các cơ chế chính sách, hoặc sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội được UBND tỉnh ghi nhận, mỗi sáng kiến (sáng tạo), thưởng 05 điểm, nhưng không quá 15 điểm theo tiêu chí điểm thưởng tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

3. Trừ điểm (điểm phạt):

a) Chương trình, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách....trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chậm thời gian quy định, mỗi lần trừ 06 điểm; không được thông qua do chất lượng, mỗi chương trình, đề án trừ 03 điểm.

b) Không chấp hành, không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo thời gian quy định do nguyên nhân chủ quan, mỗi việc trừ 06 điểm.

c) Cơ quan, đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh; hoặc có cán bộ, công chức vi phạm trong khi thi hành công vụ, bị xử lý kỷ luật, mỗi lần trừ 03 điểm.

d) Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu kiện theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp tỉnh, Trung ương, mỗi lần trừ 06 điểm.

đ) Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản, mỗi lần trừ 03 điểm.

e) Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo chậm so với quy định, một việc trừ 03 điểm.

4. Kết quả điểm để xếp loại của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện là tổng điểm sau khi được Hội đồng tổ chức đánh giá, xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

5. Điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ chiếm từ 60% trở lên trong tổng điểm xem xét thi đua khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

Chương III **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG VÀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

Điều 6. Điểm xếp loại

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện được chia làm 04 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

1. Đạt từ 320 điểm trở lên và tổng kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phải đạt từ 56 điểm trở lên : Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2. Đạt từ 260 điểm đến dưới 320 điểm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
3. Đạt từ 210 điểm đến dưới 260 điểm: Hoàn thành nhiệm vụ.
4. Đạt dưới 210 điểm: Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Quy trình đánh giá, chấm điểm và xếp loại

1. Tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại:

Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này.

2. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện:

a) Thành lập Hội đồng đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do UBND tỉnh quyết định gồm: Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Giám đốc Sở Nội vụ làm Thư ký, đại diện Lãnh đạo các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra, Tư pháp làm ủy viên.

Giúp việc Hội đồng có Tổ Thư ký do Phó Giám đốc Sở Nội vụ làm Tổ trưởng, Trưởng phòng CCHC, Sở Nội vụ làm Tổ phó và công chức các sở, ngành: Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra, Tư pháp, Ban Thi đua - Khen thưởng làm Tổ viên.

b) Trên cơ sở báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Hội đồng có trách nhiệm tổ chức thẩm định và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thẩm định, đồng thời đề xuất việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

c) Cơ sở để thẩm định:

- Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này: các văn bản pháp luật, văn bản giao nhiệm vụ; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của

cơ quan nhà nước có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và thông báo kết quả xếp loại đến các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện.

Điều 8. Thời gian tổ chức đánh giá, xếp loại

1. Từ ngày 20/11 đến ngày 30/11 hàng năm

Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan mình, lập hồ sơ đề nghị xếp loại gửi: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ (04 bộ). Đối với UBND cấp huyện gửi thêm 01 bộ cho Sở Kế hoạch & Đầu tư (05 bộ). Mỗi cơ quan 01 bộ.

2. Từ ngày 01/12 đến ngày 15/12: Các cơ quan thành viên Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm và dự kiến xếp loại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh gửi về Hội đồng thẩm định (Sở Nội vụ).

3. Từ ngày 16/12 đến ngày 30/12: Tổ Thư ký tổng hợp

4. Từ 01/01 đến 10/01 Hội đồng thẩm định họp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định và thông báo kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị xếp loại của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện

1. Báo cáo của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện về kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Tờ trình của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện đề nghị xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hồ sơ, tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này: các văn bản pháp luật, văn bản giao nhiệm vụ; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

4. Đến ngày 30/11 hàng năm các cơ quan, đơn vị nào không gửi hồ sơ đề nghị xếp loại thì xếp vào loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Hồ sơ trình UBND tỉnh của Hội đồng

1. Tờ trình đề nghị UBND tỉnh xếp loại

2. Báo cáo kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định

Điều 11. Chế độ khen thưởng và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Kết quả đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện là tiêu chí quan trọng để xếp loại thi đua, khen thưởng; xem xét trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện được xếp loại đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được xem xét khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng; cán bộ, công chức lãnh đạo được xem xét nâng lương trước thời hạn theo quy định.

2. Xem xét, xử lý: Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện có 02 năm xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó; 03 năm liên tục xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh xem xét, đề nghị bố trí công tác khác đối với người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm Quy định này; hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, gửi báo cáo theo quy định.

2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức, đánh giá, chấm điểm và xếp loại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kịp thời tổng hợp những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *KL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính
Nguyễn Đức Chính